

THÁNG GIÊNG ĂN TẾT

Ông giáo sư phân tâm học người Mỹ John Sanford là một người theo trường phái phân tâm học của Karl Jung. Ông John Sanford có viết một quyển sách có cái tựa là “The Kingdom within”, tạm dịch là “Vương quốc ở bên trong”. Trong cuốn sách đó, ông giáo sư có kể lại một câu chuyện. Quê của ông giáo sư John Sanford ở New Hampshire. Thuở nhỏ, ông sống ở nông trại. Mấy chục năm về trước, nông trại đó chưa có nước máy như bây giờ, chỉ xài nước giếng mà thôi. Ở gần nhà ông bà nội của giáo sư hồi đó có một cái giếng rất nhiều nước. Cái giếng này đủ nước để cung cấp cho một nông trại lớn, kể cả những ngày hè đồng khô cỏ cháy. Không bao giờ cái giếng ấy cạn nước. Ông giáo sư John Sanford hồi nhỏ đã có nhiều kỷ niệm đẹp với cái giếng này.

Lần này về thăm quê cũ sau mấy chục năm xa cách, ông giáo sư liền ra thăm cái giếng. Ông mở cái nắp giếng lên thì lạ quá, cái giếng đã cạn từ bao giờ, không còn lấy một giọt nước. Ông đem cái thắc mắc này ra hỏi, bà nội ông mới nói lý do. Ngày xưa người ta xài nước giếng. Càng lấy nước thì nước trong mạch càng chảy ra không bao giờ cạn. Còn sau này, người ta xài nước máy, không ai lấy nước giếng nữa. Nước giếng trở thành nước tù, bụi bặm lắng xuống. Còn các mạch không được thông, dần dần tắc nghẽn. Mạch nước bị vít lại rồi, còn bao nhiêu nước lâu ngày chảy thủng rồi cũng bốc hơi hết. Thế là cái giếng cạn.



Chưa bao giờ trong lịch sử mấy ngàn năm, dân tộc Việt Nam lại có cái cảnh như bây giờ, đó là một phần không nhỏ của dân tộc phải bỏ xứ ra đi rồi sống tản lạc khắp nơi trên thế giới. Tại vì sao hàng triệu người phải bỏ nước ra đi thì ai người ta cũng biết rồi.

Tính đi tính lại người ta nói Việt Nam đã định cư ở trên bốn chục quốc gia. Không nói đâu xa, ngay một ông đồng hương với tôi có cả bảy sáu đứa con, định cư ở bốn nước khác nhau. Năm 1978, hồi lúc có vụ người Hoa đi bán chính thức, ông làm giấy tờ giả, chèn nhét được hai đứa con một trai, một gái đi lọt được qua Mã Lai. Hai anh em định cư tại Bỉ, ở một vùng mà người ta nói tiếng Đức. Năm 1981, một đứa con trai nữa vượt biên chui tới đảo. Anh chị em nó ở bên Bỉ viết thư cho em dặn dò nếu có nước nào nhận thì cứ đi trước đừng chờ đợi. Thằng này cuối cùng định cư ở Úc. Còn vợ chồng ông và ba đứa con cũng vượt biên năm 1984, trong đó có thằng con lớn nhất đi học cải tạo về. Gia đình năm người qua Mỹ.

Đứa con gái bên Bỉ năm sau lấy một người chồng Việt Nam ở bên Pháp. Mới đây, nhân đám cưới thằng con út ở Mỹ, cái gia đình tứ xứ ấy gom về San José. Người lớn tay bắt mặt mừng sau bao nhiêu năm xa cách. Chỉ có đám con nít mới là rắc rối.

Ông đồng hương than thở với tôi, ông không có cách gì nói chuyện với hai đứa cháu ngoại ở Pháp và đứa cháu nội ở Bỉ. Hai đứa con ông phải làm thông dịch viên. Với mớ tiếng Anh bập bẹ, ông có thể nói chuyện chút đỉnh với đứa cháu nội ở bên Úc, nhưng nói tiếng Việt với chúng thì vô phương. Mặc dù ông mới bảy mươi ngoài, ông than với tôi một câu đứt ruột: “Tôi mà nằm xuống rồi, chắc anh em tụi nó sẽ trở thành người dung nước lã.”

Lời than ấy tuy bi quan nhưng không phải là không có một phần sự thực. Cái cảnh đau lòng, tan đàn xẻ nghé ấy đã xảy ra với rất nhiều gia đình Việt Nam. Hoàn cảnh nó buộc người ta phải chịu như vậy. Sống ở đâu cũng được, miễn sao chạy cho thoát cái đám ôn dịch là được. Biết làm sao hơn bây giờ! Nhiều người so sánh hoàn cảnh những người Việt Nam tha hương chúng ta bây giờ giống như những người Do Thái trong những thế kỷ trước đây. Sự so sánh này cũng có vài phần đúng. Nhưng hai hoàn cảnh đó không hoàn toàn giống nhau.

Ngày 14/5/1948, Do Thái lập quốc. Nhưng trước đó trong hàng ngàn năm, người Do Thái không có tổ quốc, phải ăn nhờ ở đậu khắp nơi trên thế giới. Có một điểm đặc biệt là trong hoàn cảnh sống lang thang vô tổ quốc như vậy suốt hàng ngàn năm, người Do Thái vẫn là người Do Thái. Có thể trên bàn ăn của một người Do Thái ở Nga sẽ có những thức ăn không hoàn toàn giống với người Do Thái sống ở Tây ban nha. Nhưng nếu hai người ấy gặp nhau ở Pháp, người Do Thái, Tây ban nha, và người Do Thái Nga vẫn giao tiếp, nói chuyện, cảm thông với nhau được. Chính điều đó mà khi tái lập quốc, những người Do Thái từ khắp nơi trên thế giới đã quần tụ với nhau được và bắt tay xây dựng đất nước Do Thái từ con số không. Những người Do Thái từ khắp bốn phương trời với những địa bàn cư trú khác nhau, những mức sống khác nhau..., người Do Thái ở Mỹ, người Do Thái ở Phi Châu, người Do Thái ở Ba Lan đã sống cạnh nhau trên một đất nước Do Thái mới. Cái gì đã giữ cho họ vẫn là người Do Thái sau hàng ngàn năm bị xé nhỏ và sống lọt thỏm giữa những dân tộc và những nền văn hóa xa lạ? Cái gì đã giúp những người Do Thái từ hàng trăm quốc gia vẫn cảm thấy họ vẫn có một sợi dây liên kết?

Mới chỉ đến thế hệ thứ hai mà mấy đứa cháu nội, cháu ngoại của ông bạn tôi đã không còn giao tiếp được với nhau. Cậu không thể nói chuyện với cháu. Bác ở Mỹ gọi thì cháu ở Bỉ giương mắt ra nhìn. Ông bạn tôi lo rầu là phải. Đến đời sau nữa thì ôi thôi, chúng nó sẽ là người dung nước lã với nhau chứ còn gì nữa! Con cô nói tiếng Pháp, con cậu nói tiếng Anh; không gọi điện thoại nói chuyện được, không viết thư cho nhau được, mỗi lần gặp nhau phải vất vả tìm một ngôn ngữ trung gian để có thể đạt được một chút cảm thông tối thiểu.

Tại sao cái cảnh không vui ấy lại xảy ra trong khi trước đó một thế hệ thôi, người ta vẫn ăn cùng mâm và vẫn ở cùng nhà, có cùng một cha một mẹ; hoặc nói rộng hơn, cùng một dân tộc? Sự việc chắc sẽ đơn giản hơn nếu tất cả những ai có tổ tiên là người Việt đều biết nói tiếng Việt. Ngôn ngữ là một trong những phương tiện chính để đạt đến sự cảm thông. Anh em một nhà mà phải dùng đến một ngôn ngữ xa lạ để nói chuyện với nhau quả thực là một điều chua xót. Ngôn ngữ nào cũng vậy, biết mà không nói thì ngày càng quên đi.

Những thế hệ Việt Nam sinh ra trên xứ người, ai sẽ là người dạy tiếng Việt Nam cho các thế hệ ấy? Cha mẹ chứ ai!

Ngôn ngữ là một phần của văn hóa dân tộc. Còn giữ được tiếng nói chung thì người Việt năm châu vẫn còn cảm thông được với nhau. Còn giữ gìn được văn hóa dân tộc thì còn cái cội rễ mà tìm về gặp nhau ở đấy.

Chuyện ăn Tết cũng là một nét đặc thù của nền văn hóa dân tộc. Một gia đình nào mà hăm ba Tết có đưa ông Táo, ba mươi Tết rước ông bà, có thịt mỡ dưa hành, có bánh dày, bánh chưng thì nhất định đó phải là một gia đình Việt Nam, không lẫn lộn đi đâu được.

Nói như thế không có nghĩa là nếu một gia đình ngày Tết mà không có được những thứ ấy thì không phải là một gia đình Việt Nam. Hoàn cảnh nơi xứ người không được thì đành chịu chớ biết làm sao. Nhưng những tục lệ ngày Tết là một phần trong gia tài văn hóa dân tộc mà chúng ta cần nên trân trọng giữ gìn. Cái gia tài văn hóa dân tộc ấy sẽ là một sợi dây liên kết người Việt năm châu. Trăm năm sau, cũng nhờ sợi dây đó mà người Việt Bắc Âu sẽ nhìn ra người Việt Úc Châu, người Việt ở Mỹ sẽ nhìn ra người Việt ở Nhật giữa bao nhiêu người cũng tóc đen, da vàng. Ngôn ngữ cũng như văn hóa dân tộc, nếu sử dụng và duy trì bồi bổ thường xuyên thì còn mãi. Hễ bỏ xó thì mỗi ngày sẽ mai một, biến mất lần hồi. Cái nguồn mạch của dân tộc, nhất là trong hoàn cảnh tha hương phải hết sức trân trọng và chăm chút thường xuyên. Cũng như cái mạch nước giếng mà ông giáo sư John Sandford đã nói tới. Không sử dụng đến, cái mạch giếng dân tộc ấy sẽ bị vớt lại và khô cạn dần. Cho dù bây giờ đã có nước máy, thỉnh thoảng chúng ta cũng nên ra giếng kéo nước lên tưới hoa, tưới cỏ hoặc tắm mát một lần. Vừa tìm lại những phút thoải mái tinh thần và tiện thể duy trì cái mạch nước ấy. Cũng như chuyện chúng ta duy trì truyền thống ăn Tết ở xứ người vừa vui vẻ thoải mái tinh thần, vừa góp phần duy trì truyền thống văn hóa, nên lắm chớ!

Tự điển Việt Nam định nghĩa: Ăn Tết: Mua sắm, vui chơi trong dịp Tết. Thí dụ: Ăn Tết lớn.

Còn học giả Lê Văn Siêu định nghĩa: Ăn Tết: là ăn uống vui chơi trong ngày Tết. Thí dụ: Tháng Giêng ăn Tết ở nhà...

Như vậy có nghĩa là ăn Tết không phải chỉ là ăn không mà còn nhiều thứ nữa. Càng lớn người ta càng thấy Tết bớt vui. Chớ tôi hồi nhỏ, hễ cứ lễ thượng điền xong là nháp nhồm đờ cho tới Tết. Con nít hồi đó Tết mới có quần áo mới, Tết mới có tiền bỏ túi chớ không phải như bây giờ. Tết được ăn uống phở phê, đi chơi tới ngày sáng đêm mà không bị rầy rà. Tết được chơi bầu cua, bông vụ, Tết được đi coi người lớn đá gà ăn tiền, Tết có thi lột dừa khô bằng tay không, mỗi đứa cũng có năm ba viên pháo lẻ dẫn túi mua ở tiệm Chệt. Tết thì đường sá, đồng ruộng khô sạch, không lầy lội như mùa mưa, gió chướng thổi lồng lộng. Tóm lại Tết là những ngày sung sướng nhất, ngay cả ông tía hàng ngày khó tánh cũng đâm ra dễ dãi. Cây chổi lông gà trở lại nhiệm vụ quét bàn, quét bộ ván ngựa mời khách ngồi chớ không còn đáng sợ như thường ngày.

Lớn lên một chút đi học xa nhà thì ngày Tết được nghỉ Tết về nhà đạp xe đạp đi thăm bà con. Có cái Tết năm Tuất 1946, Tây vô, nhà cửa tản cư, ăn Tết đậu ở nhà người quen. Dưới bên ghe xuống cụ bị sẵn sàng chạy giặc. Ở ngoài các vàm sông lúc nào cũng có người canh chừng tàu Tây. Thét rồi quen, Tây thì mặc Tây, ăn Tết cứ ăn Tết. Tiếc một cái là tinh thần yêu nước của dân mình hồi ấy bị cái đám quỷ đỏ kia lợi dụng gạt gẫm. Tới lúc sau này, năm Mậu Thân, lại ăn Tết chạy giặc nữa. Tết hai bên tuyên bố hưu chiến. Dân chúng lo sắm sửa, Tết mà! Chiến tranh thì chiến tranh, đã nói hưu chiến ba ngày thì cứ tin như vậy. Ai dè súng nổ, đạn bay. Mấy ông vô đốt nhà lòng chỢ, Công chánh ra chữa cháy thì bắn, hựt ăn một cái Tết không nói làm gì, nhà cháy người chết khắp nơi. Kể lại chuyện Tết Mậu Thân để nhắc bà con có tin mấy ông thì cũng nên tin vừa vừa thôi. Ngày Tết mà mấy ông cũng không chừa thì biết nói sao bây giờ!

Ăn Tết thì phải ăn. Ăn Tết để góp phần bảo vệ văn hoá dân tộc mà. Tội gì không ăn. Chẳng những ăn Tết mà còn chơi Tết nữa. Vui Tết cũng như kéo nước giếng lên tắm mát, để cái mạch văn hóa quê hương mãi mãi tuôn hoài. Nên lắm!

LÃO MÓC



Nguồn: Internet eMail by tqh chuyển

*Đăng ngày thứ Sáu, February 13, 2026
tkd, Khoa 10A—72/SQT/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*